
BÁO CÁO TÀI CHÍNH
NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2011

CÔNG TY CỔ PHẦN
MỸ PHẨM SÀI GÒN

CÔNG TY CỔ PHẦN MỸ PHẨM SÀI GÒN

MỤC LỤC

	Trang
1. Mục lục	1
2. Báo cáo của Tổng Giám đốc	2 - 5
3. Báo cáo kiểm toán	6
4. Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2011	7 - 10
5. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011	11
6. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011	12 - 13
7. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011	14 - 37
8. Phụ lục	38

CÔNG TY CỔ PHẦN MỸ PHẨM SÀI GÒN

BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC

Tổng Giám đốc Công ty trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 đã được kiểm toán.

Khái quát về Công ty

Công ty cổ phần mỹ phẩm Sài Gòn là doanh nghiệp được cổ phần hóa từ Doanh nghiệp Nhà nước – Công ty mỹ phẩm Sài Gòn theo Quyết định số 1135/QĐ-TTg ngày 07 tháng 12 năm 1999 của Thủ tướng Chính phủ. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0300767984 ngày 28 tháng 01 năm 2000 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp.

Trong quá trình hoạt động, Công ty đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp bổ sung các Giấy chứng nhận đăng ký thay đổi kinh doanh từ lần thứ 02 đến lần thứ 18 về việc bổ sung ngành nghề kinh doanh và tăng vốn điều lệ.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh: 50.000.000.000 VND

Trong đó:

Cổ đông	Vốn góp (VND)	Tỷ lệ (%)
Cổ đông Nhà nước	4.230.000.000	8,46
Các cổ đông khác	45.770.000.000	91,54
Cộng	50.000.000.000	100,00

Trụ sở hoạt động

Địa chỉ : Số 930 Nguyễn Thị Định, phường Thạnh Mỹ Lợi, quận 2, TP. Hồ Chí Minh.
Điện thoại : (84 - 8) 37 421 104
Fax : (84 - 8) 37 421 100
Mã số thuế : 0300767984

Hoạt động chính của Công ty là:

- Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình, chi tiết: kinh doanh các loại mỹ phẩm, xuất, nhập khẩu trực tiếp mỹ phẩm; xuất, nhập khẩu kinh doanh hàng phục vụ sản xuất, hàng tiêu dùng;
- Bán buôn chuyên doanh khác, chi tiết: kinh doanh các loại chất tẩy rửa; nguyên vật liệu phục vụ nhu cầu sản xuất kinh doanh ngành hóa mỹ phẩm; mua bán hóa chất chế phẩm diệt khuẩn, diệt côn trùng (không sản xuất tại trụ sở trừ hóa chất có tính độc hại mạnh);
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác, chi tiết: kinh doanh các loại máy móc thiết bị phục vụ nhu cầu sản xuất kinh doanh ngành hóa mỹ phẩm;
- Cắt, làm đầu, gội đầu, chi tiết: thực hiện các dịch vụ thẩm mỹ (trang điểm, dịch vụ làm tóc phụ nữ: uốn, cắt, chải, bới tóc, gội đầu); massage mặt (không hoạt động tại trụ sở);
- Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng kinh doanh, chi tiết: xuất nhập khẩu kinh doanh lương thực;
- Bán buôn thực phẩm, chi tiết: chi tiết: xuất nhập khẩu kinh doanh lương thực;
- Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác, chi tiết: dịch vụ thương mại;
- Sản xuất mỹ phẩm, xà phòng, chất tẩy rửa, làm bóng và chế phẩm vệ sinh, chi tiết: sản xuất các loại nước hoa, xà bông, dầu gội đầu, dầu xả tóc, các chất tẩy trắng, tẩy rửa, đánh bóng, chất mài mòn, son môi, sơn móng tay, nước xức tóc, sữa tắm, chất khử mùi, kem dưỡng da, keo mousse, kem cạo râu, keo xịt tóc, sáp chải tóc, phấn trang điểm;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc cho thuê, chi tiết: dịch vụ cho thuê mặt bằng; kinh doanh nhà ở; cho thuê nhà ở, kho bãi đỗ xe, cho thuê văn phòng;
- Hoạt động của các cơ sở thể thao, chi tiết: dịch vụ thể dục thẩm mỹ, thể dục thể hình;
- Dịch vụ tắm hơi, massage và các dịch vụ tăng cường sức khỏe tương tự, chi tiết: dịch vụ xông hơi, xoa bóp (không hoạt động tại trụ sở);



CÔNG TY CỔ PHẦN MỸ PHẨM SÀI GÒN
BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

- Hoạt động vui chơi giải trí khác, chi tiết: dịch vụ vui chơi giải trí trẻ em (không hoạt động tại trụ sở)
- Hoạt động sáng tác, nghệ thuật và giải trí, chi tiết: tổ chức biểu diễn thời trang (không hoạt động tại trụ sở);
- Bán buôn hàng vải, hàng may sẵn, giày dép, chi tiết: mua bán quần áo, vải sợi, giày dép;
- Bán buôn kim loại, quặng kim loại, chi tiết: mua bán vàng bạc, đá quý, nữ trang;
- Bán buôn đồ uống, chi tiết: mua bán nước giải khát;
- Bán lẻ trò chơi, đồ chơi trong các cửa hàng chuyên doanh, chi tiết: mua bán đồ chơi trẻ em (trừ các loại đồ chơi có hại cho giáo dục nhân cách, sửa khỏe trẻ em hoặc ảnh hưởng tới an ninh, trật tự và an toàn xã hội);
- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày, chi tiết: khách sạn (không hoạt động tại trụ sở);
- Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống lưu động, chi tiết: nhà hàng ăn uống (không hoạt động tại trụ sở);
- Quảng cáo, chi tiết: dịch vụ quảng cáo;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt, chi tiết: Dịch vụ giữ xe gắn máy;
- Sản xuất vải dệt kim, vải đan móc và vải không dệt khác: chi tiết sản xuất vải sợi;
- May trang phục (trừ trang phục từ da lông thú), chi tiết: sản xuất quần áo, sản xuất trang phục lót nam nữ, rèm cửa;
- Sản xuất vali, túi xách và các loại tương tự, sản xuất yên đệm, chi tiết sản xuất túi xách, dây nịt;
- Sản xuất hàng may sẵn (trừ trang phục), chi tiết: sản xuất khăn các loại, tấm trải bàn, tấm phủ giường, cà vạt, tất;
- Sản xuất trang phục dệt kim, đan móc, chi tiết: sản xuất hàng thêu;
- Sản xuất giày dép;
- Sản xuất đồng hồ;
- Sản xuất thảm, chăn đệm, chi tiết sản xuất thảm trang trí;
- Chung, tinh cất và pha chế các loại rượu mạnh, chi tiết: sản xuất rượu;
- Sản xuất bia và mạch nha ủ men bia, chi tiết sản xuất bia;
- Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng, chi tiết sản xuất nước giải khát;
- Sản xuất sản phẩm gốm sứ khác, chi tiết: sản xuất bút, viết (chì, bi, mực, lông);
- Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất, chi tiết: môi giới bất động sản;
- Sản xuất các sản phẩm hóa chất khác, chi tiết: sản xuất hóa chất chế phẩm diệt khuẩn, diệt côn trùng (không sản xuất tại trụ sở);
- Sản xuất kim loại màu và kim loại quý, chi tiết sản xuất hàng trang sức.

Các đơn vị trực thuộc:

Tên đơn vị	Địa chỉ
Chi nhánh số I	Số 3C, đường 3/2, phường 11, quận 10, TP. Hồ Chí Minh
Chi nhánh số II	Số 101 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, phường Bến Thành, quận 1, TP. Hồ Chí Minh
Chi nhánh số III	54 - 56 Nguyễn Trãi, phường Bến Thành, quận 1, TP. Hồ Chí Minh
Chi nhánh tại Long An	Số 1, đường Mai Thị Tốt, phường 2, TP Tân An, tỉnh Long An
Chi nhánh tại Cần Thơ	Số 63, đường Quang Trung, phường Xuân Khánh, quận Ninh Kiều, TP. Cần Thơ
Chi nhánh tại Biên Hòa	Đường Phạm Văn Thuận, tỉnh Đồng Nai
Chi nhánh tại Phan Thiết	Số 1A, đường Nguyễn Tất Thành, phường Bình Hưng, TP. Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận.
Chi nhánh tại Tiền Giang	Số 35 đường Ấp Bắc, phường 5, TP. Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang.
Chi nhánh tại Hà Nội	Ô số 11, lô 5, Đền Lừ 2, phường Hoàng Văn Thụ, quận Hoàng Mai, TP. Hà Nội
Xưởng II	Số 59 Trần Tuấn Khải, phường 5, quận 5, TP. Hồ Chí Minh
Xưởng III	Số 762 B đường Xô Viết Nghệ Tĩnh, phường 27, quận Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh
Xưởng IV	Số 208 Cô Bắc, phường Cô Giang, quận 1, TP. Hồ Chí Minh

CÔNG TY CỔ PHẦN MỸ PHẨM SÀI GÒN
 CHỖ TRÁCH MIỆNG KIỂM TRA
 TÀI CHÍNH

CÔNG TY CỔ PHẦN MỸ PHẨM SÀI GÒN
BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Tình hình tài chính và hoạt động kinh doanh

Tình hình tài chính tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2011, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty được trình bày trong Báo cáo tài chính đính kèm báo cáo này (từ trang 07 đến trang 37).

Trong năm, Công ty đã phân phối lợi nhuận năm 2010 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên ngày 25 tháng 11 năm 2011 như sau:

- Trích lập các quỹ	872.783.008	VND
- Chia cổ tức	2.418.911.700	VND
Cộng	3.291.694.708	VND

Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Tổng Giám đốc Công ty khẳng định không có sự kiện nào phát sinh sau ngày 31 tháng 12 năm 2011 cho đến thời điểm lập báo cáo này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.

Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý

Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Bà Nguyễn Kim Thoa	Chủ tịch	28 tháng 01 năm 2000	-
Ông Lê Duy Cường	Thành viên	28 tháng 01 năm 2000	-
Ông Nguyễn Hồng Tâm	Thành viên	28 tháng 01 năm 2000	-
Bà Nguyễn Thị Thanh Thảo	Thành viên	16 tháng 9 năm 2006	-
Bà Trần Phương Ivy	Thành viên	16 tháng 9 năm 2006	-
Ông Trịnh Quang	Thành viên	28 tháng 01 năm 2000	-
Lý Nguyễn Lan Phương	Thành viên	08 tháng 12 năm 2009	-

Ban kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Đào Nam Việt	Trưởng Ban	16 tháng 9 năm 2006	-
Ông Lê Quang Dũng	Thành viên	16 tháng 9 năm 2006	-
Bà Hà Như Linh	Thành viên	16 tháng 9 năm 2006	-

Tổng Giám đốc

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Bà Nguyễn Kim Thoa	Tổng Giám đốc	28 tháng 01 năm 2000	20 tháng 6 năm 2011
Bà Lý Nguyễn Lan Phương	Tổng Giám đốc	20 tháng 6 năm 2011	-

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn (A&C) đã kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011, A&C bày tỏ nguyện vọng tiếp tục được chỉ định là kiểm toán viên độc lập của Công ty.

1744
T
H
T
V
C

CÔNG TY CỔ PHẦN MỸ PHẨM SÀI GÒN
BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Xác nhận của Tổng Giám đốc

Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong từng năm tài chính. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Tổng Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các phán đoán và các ước tính một cách thận trọng;
- Nêu rõ các Chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.

Tổng Giám đốc đảm bảo rằng, Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập Báo cáo tài chính; các số kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tại bất kỳ thời điểm nào, với mức độ chính xác hợp lý tình hình tài chính của và Báo cáo tài chính được lập tuân thủ các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính.

Tổng Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm bảo vệ an toàn tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Phê duyệt Báo cáo tài chính

Tổng Giám đốc phê duyệt Báo cáo tài chính đính kèm. Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty cổ phần mỹ phẩm Sài Gòn tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2011, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ của năm tài chính kết thúc ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các Thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán của Bộ Tài chính.



Lý Nguyễn Lan Phương
Tổng Giám đốc

Ngày 26 tháng 4 năm 2012



**BAKER TILLY
A&C**

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN
AUDITING AND CONSULTING CO., LTD.**



Headquarters : 229 Dong Khoi St., Dist.1, Ho Chi Minh City
Tel: (84.8) 38 272 295 - Fax: (84.8) 38 272 300

Branch in Ha Noi : 40 Giang Vo St., Dong Da Dist., Ha Noi City

Branch in Nha Trang : 18 Tran Khanh Du St., Nha Trang City

Branch in Can Tho : 162C/4 Tran Ngoc Que St., Can Tho City

www.a-c.com.vn

Số: 0489/2012/BCTC-KTTV

BÁO CÁO KIỂM TOÁN

VỀ BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2011 CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN MỸ PHẨM SÀI GÒN

**Kính gửi: QUÝ CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN MỸ PHẨM SÀI GÒN**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2011 của Công ty cổ phần mỹ phẩm Sài Gòn gồm: Bảng cân đối kế toán tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2011, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, được lập ngày 10 tháng 3 năm 2012, từ trang 07 đến trang 37 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Tổng Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của Kiểm toán viên là đưa ra ý kiến về các báo cáo này dựa trên kết quả công việc kiểm toán.

Cơ sở ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu công việc kiểm toán phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo hợp lý rằng Báo cáo tài chính không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện kiểm toán theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thử nghiệm cần thiết, kiểm tra các bằng chứng xác minh những thông tin trong Báo cáo tài chính; đánh giá việc tuân thủ các Chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Tổng Giám đốc cũng như cách trình bày tổng thể Báo cáo tài chính. Chúng tôi tin rằng công việc kiểm toán đã cung cấp những cơ sở hợp lý cho ý kiến của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, Báo cáo tài chính đề cập đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty cổ phần mỹ phẩm Sài Gòn tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2011, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

Báo cáo được lập bằng tiếng Việt và tiếng Anh có giá trị như nhau. Bản tiếng Việt là bản gốc khi cần đối chiếu.

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn (A&C)



Lý Quốc Trung - Phó Tổng Giám đốc
Chứng chỉ kiểm toán viên số: D.0099/KTV

Nguyễn Thị Ngọc Quỳnh - Kiểm toán viên
Chứng chỉ kiểm toán viên số: 0327/KTV

TP. Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 4 năm 2012

CÔNG TY CỔ PHẦN MỸ PHẨM SÀI GÒN

Địa chỉ: Số 930 Nguyễn Thị Định, phường Thạnh Mỹ Lợi, quận 2, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		89.698.971.875	89.276.800.708
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	23.309.581.195	12.257.325.114
1. Tiền	111		5.296.884.760	3.009.615.455
2. Các khoản tương đương tiền	112		18.012.696.435	9.247.709.659
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		1.969.182.376	3.233.092.501
1. Đầu tư ngắn hạn	121	V.2	5.346.633.002	5.840.902.486
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư ngắn hạn	129	V.3	(3.377.450.626)	(2.607.809.985)
III. Các khoản phải thu	130		25.117.414.691	33.924.948.533
1. Phải thu của khách hàng	131	V.4	24.205.586.708	31.897.810.253
2. Trả trước cho người bán	132	V.5	1.277.635.053	2.038.744.122
3. Phải thu nội bộ	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Các khoản phải thu khác	138	V.6	176.143.984	625.314.270
6. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	139	V.7	(541.951.054)	(636.920.112)
IV. Hàng tồn kho	140		36.480.898.811	34.348.026.631
1. Hàng tồn kho	141	V.8	38.090.192.813	36.211.688.879
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149	V.9	(1.609.294.002)	(1.863.662.248)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		2.821.894.802	5.513.407.929
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		176.184.100	37.566.574
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		872.863.535	3.351.187.787
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		-	1.632.759
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	157		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	158	V.10	1.772.847.167	2.123.020.809

CÔNG TY CỔ PHẦN MỸ PHẨM SÀI GÒN

Địa chỉ: Số 930 Nguyễn Thị Định, phường Thạnh Mỹ Lợi, quận 2, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
B- TÀI SẢN DÀI HẠN	200		82.346.641.127	84.522.400.752
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc	212		-	-
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213		-	-
4. Phải thu dài hạn khác	218		-	-
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		48.473.577.527	52.893.129.718
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.11	19.006.652.875	20.137.604.139
<i>Nguyên giá</i>	222		41.884.937.188	40.709.793.009
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(22.878.284.313)	(20.572.188.870)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
<i>Nguyên giá</i>	225		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.12	28.954.425.036	29.243.374.831
<i>Nguyên giá</i>	228		29.551.226.854	29.540.501.854
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(596.801.818)	(297.127.023)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.13	512.499.616	3.512.150.748
III. Bất động sản đầu tư	240	V.14	1.381.862.753	-
<i>Nguyên giá</i>	241		1.391.137.000	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	242		(9.274.247)	-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		30.000.000.000	30.000.000.000
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	V.15	30.000.000.000	30.000.000.000
3. Đầu tư dài hạn khác	258		-	-
4. Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư dài hạn	259		-	-
V. Tài sản dài hạn khác	260		2.491.200.847	1.629.271.034
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.16	1.985.565.242	1.168.955.429
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Tài sản dài hạn khác	268	V.17	505.635.605	460.315.605
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		172.045.613.002	173.799.201.460

CÔNG TY CỔ PHẦN MỸ PHẨM SÀI GÒN

Địa chỉ: Số 930 Nguyễn Thị Định, phường Thạnh Mỹ Lợi, quận 2, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - NỢ PHẢI TRẢ	300		40.532.285.267	50.179.607.064
I. Nợ ngắn hạn	310		39.993.612.227	49.657.361.884
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.18	-	424.100.822
2. Phải trả người bán	312	V.19	11.888.681.313	17.856.560.771
3. Người mua trả tiền trước	313	V.20	489.842.002	100.754.887
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.21	3.876.240.337	4.747.674.900
5. Phải trả người lao động	315	V.22	4.598.199.032	4.181.136.831
6. Chi phí phải trả	316	V.23	664.467.178	1.508.925.754
7. Phải trả nội bộ	317		-	-
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318		-	-
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.24	17.180.165.025	18.931.901.158
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323	V.25	1.296.017.340	1.906.306.761
12. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	327		-	-
II. Nợ dài hạn	320		538.673.040	522.245.180
1. Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
3. Phải trả dài hạn khác	333	V.26	439.402.500	439.402.500
4. Vay và nợ dài hạn	334		-	-
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		-	-
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336	V.27	99.270.540	82.842.680
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện	338		-	-
9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339		-	-
B - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		131.513.327.735	123.619.594.396
I. Vốn chủ sở hữu	410		131.513.327.735	123.619.594.396
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	V.28	80.630.390.000	80.630.390.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	V.28	24.544.846.942	24.544.846.942
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
4. Cổ phiếu quỹ	414		-	-
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	-
7. Quỹ đầu tư phát triển	417	V.28	5.038.013.146	4.747.085.477
8. Quỹ dự phòng tài chính	418	V.28	4.467.257.113	4.176.329.444
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420	V.28	16.832.820.534	9.520.942.533
11. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	421		-	-
12. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	422		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	432		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	433		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		172.045.613.002	173.799.201.460

Báo cáo này phải được đọc cùng với Bản thuyết minh Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN MỸ PHẨM SÀI GÒN

Địa chỉ: Số 930 Nguyễn Thị Định, phường Thạnh Mỹ Lợi, quận 2, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

CHỈ TIÊU	Thuyết minh		
		Số cuối năm	Số đầu năm
1. Tài sản thuê ngoài		-	-
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công		-	-
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược		-	-
4. Nợ khó đòi đã xử lý		-	-
5. Ngoại tệ các loại:			
Dollar Mỹ (USD)		122.437,03	623,02
Euro (EUR)		6.938,18	100,95
Bảng Anh (£)		3,61	3,61
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án		-	-

Trần Ngọc Cẩm
Kế toán trưởng

TP. Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 3 năm 2012



Lý Nguyễn Lan Phương
Tổng Giám đốc



CÔNG TY CỔ PHẦN MỸ PHẨM SÀI GÒN

Địa chỉ: Số 930 Nguyễn Thị Định, phường Thạnh Mỹ Lợi, quận 2, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2011

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	
			Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	153.588.469.971	153.523.413.636
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	03		15.003.531.353	10.140.240.162
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.1	138.584.938.618	143.383.173.474
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	80.461.953.744	84.901.471.514
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		58.122.984.874	58.481.701.960
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	2.041.227.950	2.650.629.956
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	2.852.896.867	1.927.182.861
Trong đó: chi phí lãi vay	23		474.332	153.276.638
8. Chi phí bán hàng	24	VI.5	31.119.030.683	38.052.262.871
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.6	14.185.485.234	13.195.910.139
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		12.006.800.040	7.956.976.045
11. Thu nhập khác	31	VI.7	54.506.581	368.236.586
12. Chi phí khác	32	VI.8	1.058.688.331	521.383.973
13. Lợi nhuận khác	40		(1.004.181.750)	(153.147.387)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		11.002.618.290	7.803.828.658
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V.21	399.045.581	1.985.275.278
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		<u>10.603.572.709</u>	<u>5.818.553.380</u>
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.9	<u>1.315</u>	<u>722</u>



Trần Ngọc Cẩm
Kế toán trưởng



TP. Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 3 năm 2012

Lý Nguyễn Lan Phương
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN MỸ PHẨM SÀI GÒN

Địa chỉ: Số 930 Nguyễn Thị Định, phường Thạnh Mỹ Lợi, quận 2, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Năm 2011

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		11.002.618.290	7.803.828.658
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định	02	V.11, V.12, V.14	2.615.044.485	2.534.883.927
- Các khoản dự phòng	03	V.3, V.7, V.9	420.303.337	1.023.549.415
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04		-	(355.297.440)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	VI.3, VI.7	(1.439.084.894)	(1.775.451.267)
- Chi phí lãi vay	06	VI.4	474.332	153.276.638
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		12.599.355.550	9.384.789.931
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		12.470.251.797	(133.833.125)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(1.878.503.934)	(705.696.008)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		(8.092.991.364)	(3.985.854.056)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		557.882.806	303.353.589
- Tiền lãi vay đã trả	13	VI.4	(474.332)	(153.276.638)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	V.21	(992.804.971)	(4.306.274.223)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		186.061.200	74.633.500
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16		(1.131.718.893)	(398.518.086)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		13.717.057.859	79.324.884
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	V.11, V.12, V.13	(1.371.022.415)	(3.304.628.463)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22	VI.7	1.200.000	17.272.727
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	(60.770.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
5. Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	26		-	2.100.000.000
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	V.6, VI.3	1.473.073.959	1.765.952.891
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		103.251.544	517.827.155

CÔNG TY CỔ PHẦN MỸ PHẨM SÀI GÒN

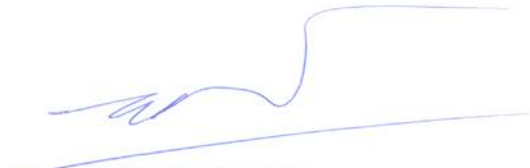
Địa chỉ: Số 930 Nguyễn Thị Định, phường Thạnh Mỹ Lợi, quận 2, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh		
			Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền chi trả góp vốn cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		-	1.414.917.389
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	V.18	(424.100.822)	(9.533.414.614)
5. Tiền chi trả nợ thuế tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	V.28	(2.343.952.500)	(5.743.210.400)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	40		(2.768.053.322)	(13.861.707.625)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		11.052.256.081	(13.264.555.586)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	12.257.325.114	25.521.880.700
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	V.1	23.309.581.195	12.257.325.114


 Trần Ngọc Cẩm
 Kế toán trưởng

TP. Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 3 năm 2012


 Lý Nguyễn Lan Phương
 Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN MỸ PHẨM SÀI GÒN

Địa chỉ: Số 930 Nguyễn Thị Định, phường Thạnh Mỹ Lợi, quận 2, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2011

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

- Hình thức sở hữu vốn** : Công ty cổ phần.
- Lĩnh vực kinh doanh** : Sản xuất, dịch vụ, thương mại.
- Ngành nghề kinh doanh** : Sản xuất kinh doanh các loại mỹ phẩm, chất tẩy rửa; Sản xuất, mua bán hóa chất chế phẩm diệt khuẩn, diệt côn trùng.
- Nhân viên**
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 Công ty có 365 nhân viên đang làm việc, trong đó nhân viên chính thức là 280 người, thời vụ là 85 người, (cuối năm trước là 480 nhân viên).

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

- Năm tài chính**
Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.
- Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**
Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

- Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng**
Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và các Thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán của Bộ Tài chính.
- Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán**
Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các Thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính.
- Hình thức kế toán áp dụng**
Công ty sử dụng hình thức kế toán nhật ký chung.

CÔNG TY CỔ PHẦN MỸ PHẨM SÀI GÒN

Địa chỉ: Số 930 Nguyễn Thị Định, phường Thạnh Mỹ Lợi, quận 2, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Tiền và tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 03 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

3. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận khi giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

4. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

5. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận ngay vào chi phí.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 25
Máy móc và thiết bị	05 - 10
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 - 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 10

CÔNG TY CỔ PHẦN MỸ PHẨM SÀI GÒN

Địa chỉ: Số 930 Nguyễn Thị Định, phường Thạnh Mỹ Lợi, quận 2, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

6. Tài sản thuê hoạt động

Công ty là bên cho thuê

Doanh thu cho thuê hoạt động được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê. Chi phí trực tiếp ban đầu để tạo ra doanh thu từ nghiệp vụ cho thuê hoạt động được ghi nhận ngay vào chi phí khi phát sinh hoặc phân bổ dần vào chi phí trong suốt thời hạn cho thuê phù hợp với việc ghi nhận doanh thu cho thuê hoạt động.

Công ty là bên đi thuê

Thuê tài sản được phân loại là thuê hoạt động nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người cho thuê. Chi phí thuê hoạt động được phân ánh vào chi phí theo phương pháp đường thẳng cho suốt thời hạn thuê tài sản, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán tiền thuê.

7. Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư là nhà thuộc sở hữu của Công ty được sử dụng nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê hoặc chờ tăng giá. Bất động sản đầu tư được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá của bất động sản đầu tư là toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra hoặc giá trị hợp lý của các khoản đưa ra để trao đổi nhằm có được bất động sản đầu tư tính đến thời điểm mua hoặc xây dựng hoàn thành.

Các chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu được ghi nhận vào chi phí, trừ khi chi phí này có khả năng chắc chắn làm cho bất động sản đầu tư tạo ra lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu thì được ghi tăng nguyên giá.

Khi bất động sản đầu tư được bán, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh đều được hạch toán vào thu nhập hay chi phí.

Bất động sản đầu tư được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của bất động sản đầu tư như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	25

8. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm:

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ,... Quyền sử dụng đất có thời hạn được khấu hao theo thời gian sử dụng đất, quyền sử dụng đất không xác định thời hạn không tính khấu hao.

Phần mềm máy tính

Giá mua của phần mềm máy tính mà không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 03 năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN MỸ PHẨM SÀI GÒN

Địa chỉ: Số 930 Nguyễn Thị Định, phường Thạnh Mỹ Lợi, quận 2, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

9. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong năm, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

10. Đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào chứng khoán, công ty con, công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được ghi nhận theo giá gốc. Tiền lãi, cổ tức, lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu.

Dự phòng giảm giá chứng khoán được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá thị trường thấp hơn giá trị đang hạch toán trên sổ sách. Giá thị trường làm căn cứ xem xét trích lập dự phòng được xác định như sau:

- Đối với chứng khoán đã niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) là giá giao dịch bình quân tại ngày trích lập dự phòng.
- Đối với chứng khoán đã niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán TP. Hồ Chí Minh (HOSE) là giá đóng cửa tại ngày trích lập dự phòng.
- Đối với chứng khoán chưa đăng ký giao dịch ở thị trường giao dịch của các công ty đại chúng là giá trung bình trên cơ sở giá giao dịch do tối thiểu của 3 công ty chứng khoán công bố tại ngày lập dự phòng.

Dự phòng cho các khoản đầu tư vào tổ chức kinh tế khác được trích lập khi các tổ chức kinh tế này bị lỗ (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư) với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại tổ chức kinh tế và vốn chủ sở hữu thực có nhân (x) với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại tổ chức kinh tế.

Khi thanh lý một khoản đầu tư, phần chênh lệch giữa giá trị thanh lý thuần và giá trị ghi sổ được hạch toán vào thu nhập hoặc chi phí.

11. Chi phí trả trước dài hạn

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 03 năm.

Chi phí quảng cáo

Chi phí phát sinh liên quan đến các hợp đồng quảng cáo và khuyến mãi được phân bổ theo thời hạn qui định trên hợp đồng.

Chi phí sửa chữa

Chi phí thuê ngoài để sửa chữa tài sản cố định được phân bổ vào chi phí với thời gian phân bổ không quá 03 năm.

Chi phí Ban quản lý dự án

Chi phí phát sinh của Ban quản lý thực hiện các dự án đầu tư được phân bổ vào chi phí trong 02 năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN MỸ PHẨM SÀI GÒN

Địa chỉ: Số 930 Nguyễn Thị Định, phường Thạnh Mỹ Lợi, quận 2, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

12. Trích lập quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm và bảo hiểm thất nghiệp

Quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm được dùng để chi trả trợ cấp thôi việc cho người lao động tại Công ty có thời gian làm việc từ 12 tháng trở lên tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2008. Mức trích quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm là 01% quỹ lương làm cơ sở đóng bảo hiểm xã hội và được hạch toán vào chi phí theo hướng dẫn tại Thông tư 82/2003/TT-BTC ngày 14 tháng 8 năm 2003 của Bộ Tài chính. Trường hợp quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm không đủ để chi trả cho người lao động thôi việc trong năm thì phần chênh lệch thiếu được hạch toán vào chi phí.

Theo Luật bảo hiểm xã hội, kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2009 người sử dụng lao động phải đóng quỹ Bảo hiểm thất nghiệp do cơ quan Bảo hiểm xã hội Việt Nam quản lý với tỷ lệ 01% của mức thấp hơn giữa lương cơ bản của người lao động hoặc 20 lần mức lương tối thiểu chung được Chính phủ qui định trong từng thời kỳ. Với việc áp dụng chế độ bảo hiểm thất nghiệp người sử dụng lao động không phải trích lập dự phòng trợ cấp mất việc làm cho thời gian làm việc của người lao động từ ngày 01 tháng 01 năm 2009. Tuy nhiên trợ cấp thôi việc trả cho người lao động đủ điều kiện cho thời gian làm việc trước ngày 01 tháng 01 năm 2009 là mức lương bình quân trong vòng sáu tháng liền kề trước thời điểm thôi việc.

13. Nguồn vốn kinh doanh

Vốn đầu tư của chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung hoặc chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

14. Cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được công bố.

15. Trích lập các quỹ

Các quỹ được trích lập và sử dụng trong năm của Công ty như sau:

	Mục đích	Tỷ lệ trích lập từ lợi nhuận sau thuế	Mức trích lập tối đa
• Quỹ đầu tư phát triển	Bổ sung vốn điều lệ, mở rộng hoạt động kinh doanh hoặc đầu tư theo chiều sâu của Công ty	5%	10%
• Quỹ dự phòng tài chính	Bù đắp những tổn thất, thiệt hại xảy ra trong quá trình kinh doanh hoặc các trường hợp bất khả kháng, ngoài dự kiến như thiên tai, hỏa hoạn,....	5%	-
• Quỹ khen thưởng, phúc lợi	Khen thưởng, khuyến khích lợi ích vật chất, cải thiện và nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho người lao động	5%	-

CÔNG TY CỔ PHẦN MỸ PHẨM SÀI GÒN

Địa chỉ: Số 930 Nguyễn Thị Định, phường Thạnh Mỹ Lợi, quận 2, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

16. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích Báo cáo tài chính và các giá trị dùng cho mục đích thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ khi liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu khi đó thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

17. Nguyên tắc chuyển đổi ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được qui đổi theo tỷ giá tại ngày cuối năm.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được ghi nhận vào thu nhập hoặc chi phí trong năm.

Tỷ giá sử dụng để qui đổi tại thời điểm ngày: 31/12/2010: 18.932 VND/USD
31/12/2011: 20.828 VND/USD

18. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với việc sở hữu cũng như quyền quản lý hàng hóa, thành phẩm đó được chuyển giao cho người mua, và không còn tồn tại yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền, chi phí kèm theo hoặc khả năng hàng bán bị trả lại.

Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động

Nguyên tắc ghi nhận doanh thu cho thuê tài sản hoạt động được trình bày ở thuyết minh số IV.5.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

CÔNG TY CỔ PHẦN MỸ PHẨM SÀI GÒN

Địa chỉ: Số 930 Nguyễn Thị Định, phường Thạnh Mỹ Lợi, quận 2, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Riêng cổ tức nhận bằng cổ phiếu không ghi nhận vào thu nhập mà chỉ theo dõi số lượng tăng thêm.

19. Tài sản tài chính

Phân loại tài sản tài chính

Công ty phân loại các tài sản tài chính thành các nhóm: tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, các khoản cho vay và phải thu, tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Tài sản tài chính được phân loại là ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh nếu được nắm giữ để kinh doanh hoặc được xếp vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm chứng khoán nắm giữ để kinh doanh nếu:

- Được mua hoặc tạo ra chủ yếu cho mục đích bán lại trong thời gian ngắn;
- Công ty có ý định nắm giữ nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn;
- Công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà Công ty có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn.

Các khoản cho vay và phải thu

Các khoản cho vay và phải thu là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường.

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là các tài sản tài chính ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn hoặc các khoản cho vay và phải thu.

Giá trị ghi sổ ban đầu của tài sản tài chính

Các tài sản tài chính được ghi nhận tại ngày mua và dừng ghi nhận tại ngày bán. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chỉ phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.



CÔNG TY CỔ PHẦN MỸ PHẨM SÀI GÒN

Địa chỉ: Số 930 Nguyễn Thị Định, phường Thạnh Mỹ Lợi, quận 2, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

20. Nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu

Các công cụ tài chính được phân loại là nợ phải trả tài chính hoặc công cụ vốn chủ sở hữu tại thời điểm ghi nhận ban đầu phù hợp với bản chất và định nghĩa của nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu.

Nợ phải trả tài chính

Công ty phân loại nợ phải trả tài chính thành các nhóm: nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Nợ phải trả tài chính được phân loại là ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh nếu được nắm giữ để kinh doanh hoặc được xếp vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Nợ phải trả tài chính được phân loại vào nhóm chứng khoán nắm giữ để kinh doanh nếu:

- Được phát hành hoặc tạo ra chủ yếu cho mục đích mua lại trong thời gian ngắn;
- Công ty có ý định nắm giữ nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn;
- Công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).

Các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ được xác định bằng giá trị ghi nhận ban đầu của nợ phải trả tài chính trừ đi các khoản hoàn trả gốc, cộng hoặc trừ các khoản phân bổ lũy kế tính theo phương pháp lãi suất thực tế của phần chênh lệch giữa giá trị ghi nhận ban đầu và giá trị đáo hạn, trừ đi các khoản giảm trừ (trực tiếp hoặc thông qua việc sử dụng một tài khoản dự phòng) do giảm giá trị hoặc do không thể thu hồi.

Phương pháp lãi suất thực tế là phương pháp tính toán giá trị phân bổ của một hoặc một nhóm nợ phải trả tài chính và phân bổ thu nhập lãi hoặc chi phí lãi trong kỳ có liên quan. Lãi suất thực tế là lãi suất chiết khấu các luồng tiền ước tính sẽ chi trả hoặc nhận được trong tương lai trong suốt vòng đời dự kiến của công cụ tài chính hoặc ngắn hơn, nếu cần thiết, trở về giá trị ghi sổ hiện tại thuần của nợ phải trả tài chính.

Giá trị ghi sổ ban đầu của nợ phải trả tài chính

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ tài chính đó.

Công cụ vốn chủ sở hữu

Công cụ vốn chủ sở hữu là hợp đồng chứng tỏ được những lợi ích còn lại về tài sản của Công ty sau khi trừ đi toàn bộ nghĩa vụ.

Công cụ tài chính phức hợp

Công cụ tài chính phức hợp do Công ty phát hành được phân loại thành các thành phần nợ phải trả và thành phần vốn chủ sở hữu theo nội dung thỏa thuận trong hợp đồng và định nghĩa về nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu.

Phần vốn chủ sở hữu được xác định là giá trị còn lại của công cụ tài chính sau khi trừ đi giá trị hợp lý của phần nợ phải trả. Giá trị của công cụ phái sinh (như là hợp đồng quyền chọn bán) đi kèm công cụ tài chính phức hợp không thuộc phần vốn chủ sở hữu (như là quyền chọn chuyển đổi vốn chủ sở hữu) được trình bày trong phần nợ phải trả. Tổng giá trị ghi sổ cho các phần nợ phải trả và vốn chủ sở hữu khi ghi nhận ban đầu bằng với giá trị hợp lý của công cụ tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN MỸ PHẨM SÀI GÒN

Địa chỉ: Số 930 Nguyễn Thị Định, phường Thạnh Mỹ Lợi, quận 2, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

21. Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chỉ được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Công ty:

- Có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận; và
- Có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

22. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Giao dịch với các bên có liên quan trong năm được trình bày ở thuyết minh số VII.2.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt	204.313.822	3.539.476
Tiền gửi ngân hàng	5.092.570.938	3.006.075.979
Các khoản tương đương tiền (*)	18.012.696.435	9.247.709.659
Cộng	23.309.581.195	12.257.325.114

(*) Tiền gửi có kỳ hạn không quá 03 tháng.

2. Đầu tư ngắn hạn

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
Cổ phiếu đầu tư ngắn hạn		5.346.633.002		5.780.132.486
- Công ty cổ phần thủy sản Mekong	-	-	11.200	549.096.000
- Ngân hàng thương mại cổ phần Á Châu	6.735	250.707.827	8.613	367.496.465
- Công ty cổ phần Tập đoàn dầu khí An pha	2.000	26.904.075	2.000	26.904.075
- Ngân hàng thương mại cổ phần Đại Á	24.670	785.462.000	24.670	785.462.000
- Công ty cổ phần cao su Đà Nẵng	2.000	39.508.350	-	-
- Ngân hàng thương mại cổ phần xuất nhập khẩu Việt Nam	12.000	258.629.191	12.000	258.629.191
- Công ty cổ phần đầu tư kinh doanh nhà	10.000	125.187.500	-	-
- Ngân hàng thương mại cổ phần quân đội	55.278	1.268.899.965	55.278	1.268.899.965
- Công ty cổ phần bất động sản du lịch Ninh Vân Bay	8.000	252.756.000	8.000	252.756.000
- Ngân hàng thương mại cổ phần Phương Đông	34.580	968.590.000	34.580	968.590.000
- Công ty cổ phần gas Petrolimex	7.800	147.572.849	9.000	221.359.274
- Công ty cổ phần kinh doanh khí hóa lỏng miền Bắc	5.000	70.856.125	-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN MỸ PHẨM SÀI GÒN

Địa chỉ: Số 930 Nguyễn Thị Định, phường Thạnh Mỹ Lợi, quận 2, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
- Công ty cổ phần nhiệt điện Phá Lại	-	-	5	353.172
- Công ty cổ phần cơ điện lạnh Ree	-	-	4.400	104.312.000
- Công ty cổ phần quốc tế hoàng gia	-	-	4	392.764
- Công ty cổ phần thủy điện Cần Đơn	-	-	6	218.868
- Công ty cổ phần dịch vụ tổng hợp Sài Gòn	-	-	3	119.892
- Công ty cổ phần dây và cáp điện Taya Việt Nam	-	-	10	356.148
- Ngân hàng thương mại cổ phần ngoại thương Việt Nam	-	-	2	576.247
- Công ty cổ phần vận chuyển Sài Gòn tourist	33.200	191.909.434	-	-
- Ngân hàng thương mại cổ phần Việt Á	33.345	566.300.000	28.815	525.350.000
- Công ty cổ phần thủy điện Vĩnh Sơn - sông Hinh	11.700	306.377.425	11.700	306.377.425
- Công ty cổ phần vận tải xăng dầu Vitaco	7.000	86.972.261	11.500	142.883.000
Trái phiếu đầu tư ngắn hạn		-		60.770.000
- Công ty cổ phần cơ điện lạnh Ree	-	-	20	20.000.000
- Ngân hàng thương mại cổ phần Việt Á	-	-	453	40.770.000
Cộng		5.346.633.002		5.840.902.486

Lý do thay đổi các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn:

- Cổ phiếu Ngân hàng thương mại cổ phần Á Châu:
 - Tăng do mua 1.722 cổ phiếu với giá mua và chi phí mua là 17.220.000 VND.
 - Giảm do bán 3.600 cổ phiếu với giá trị tương ứng là 134.008.638 VND.
- Cổ phiếu Công ty cổ phần cao su Đà Nẵng:
 - Tăng do mua 2.400 cổ phiếu với giá mua và chi phí mua là 47.410.020 VND.
 - Giảm do bán 400 cổ phiếu với giá trị tương ứng là 7.901.670 VND
- Công ty cổ phần đầu tư kinh doanh nhà:
 - Tăng do mua 20.000 cổ phiếu với giá mua và chi phí mua là 259.388.500 VND.
 - Giảm do bán 10.000 cổ phiếu với giá trị tương ứng là 134.201.000 VND.
- Cổ phiếu Công ty cổ phần gas Petrolimex:
 - Tăng 2.700 cổ phiếu do được chi trả cổ tức.
 - Giảm do bán 3.900 cổ phiếu với giá trị tương ứng là 95.922.351 VND.
- Cổ phiếu Công ty cổ phần kinh doanh khí hóa lỏng miền Bắc:
 - Tăng do mua 20.000 cổ phiếu với giá mua và chi phí mua là 283.424.500 VND.
 - Giảm do bán 15.000 cổ phiếu với giá trị tương ứng là 212.568.375 VND
- Cổ phiếu Công ty cổ phần cơ điện lạnh Ree:
 - Tăng 1.440 cổ phiếu do được chuyển đổi trái phiếu với giá trị 20.000.000 VND.
 - Giảm do bán 5.840 cổ phiếu với giá trị tương ứng là 124.312.000 VND.
- Cổ phiếu Công ty cổ phần vận chuyển Sài Gòn tourist: tăng do mua 33.200 cổ phiếu với giá mua và chi phí mua là 191.909.434 VND.
- Cổ phiếu Ngân hàng thương mại cổ phần Việt Á: tăng do chuyển đổi từ trái phiếu sang cổ phiếu với tỷ lệ 1:10 với số lượng là 4.530 cổ phiếu và chi phí mua là 40.770.000 VND.
- Công ty cổ phần vận tải xăng dầu Vitaco: Giảm do bán 4.500 cổ phiếu với giá trị tương ứng là 55.910.739 VND.

CÔNG TY CỔ PHẦN MỸ PHẨM SÀI GÒN

Địa chỉ: Số 930 Nguyễn Thị Định, phường Thạnh Mỹ Lợi, quận 2, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

- Cổ phiếu Công ty cổ phần thủy sản Mekong, Công ty cổ phần nhiệt điện Phả Lại, Công ty cổ phần quốc tế hoàng gia, Công ty cổ phần thủy điện Cần Đơn, Công ty cổ phần dịch vụ tổng hợp Sài Gòn, Công ty cổ phần dây và cáp điện Taya Việt Nam, Ngân hàng thương mại cổ phần ngoại thương Việt Nam : giảm do bán toàn bộ cổ phiếu đã đầu tư.
- Trái phiếu Công ty cổ phần cơ điện lạnh Ree: giảm do chuyển đổi sang cổ phiếu với tỷ lệ 1:72.
- Trái phiếu Ngân hàng thương mại cổ phần Việt Á giảm do chuyển đổi sang cổ phiếu với tỷ lệ 1:10.

3. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn

Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán ngắn hạn.

Tình hình biến động dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn như sau:

Số đầu năm	2.607.809.985
Trích lập dự phòng bổ sung	769.640.641
Số cuối năm	3.377.450.626

4. Phải thu khách hàng

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Các khách hàng trong nước	10.096.730.392	16.219.171.203
Các khách hàng nước ngoài	14.108.856.316	15.678.639.050
Cộng	24.205.586.708	31.897.810.253

5. Trả trước cho người bán

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Các nhà cung cấp trong nước	808.334.577	1.862.782.919
Các nhà cung cấp nước ngoài	469.300.476	175.961.203
Cộng	1.277.635.053	2.038.744.122

6. Các khoản phải thu khác

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải thu nhân viên tiền thuế thu nhập đã nộp hộ	-	405.799.827
Lãi tiền gửi ngân hàng dự thu	118.500.045	153.689.110
Các khoản phải thu khác	57.643.939	65.825.333
Cộng	176.143.984	625.314.270

7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Dự phòng cho các khoản nợ phải thu quá hạn từ 01 năm đến dưới 02 năm	198.069.458	247.567.274
Dự phòng cho các khoản nợ phải thu quá hạn từ 02 năm đến dưới 03 năm	73.556.094	39.343.162
Dự phòng cho các khoản nợ phải thu quá hạn từ 03 năm trở lên	270.325.502	350.009.676
Cộng	541.951.054	636.920.112

Tình hình biến động dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi như sau:

Số đầu năm	636.920.112
Hoàn nhập dự phòng	(94.969.058)
Số cuối năm	541.951.054

CÔNG TY CỔ PHẦN MỸ PHẨM SÀI GÒN

Địa chỉ: Số 930 Nguyễn Thị Định, phường Thạnh Mỹ Lợi, quận 2, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**8. Hàng tồn kho**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Hàng mua đang đi trên đường	9.496.441	466.051.060
Nguyên liệu, vật liệu	25.367.201.512	24.373.046.910
Công cụ, dụng cụ	251.910.962	235.580.299
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	2.241.402.449	2.190.145.926
Thành phẩm	9.195.569.307	8.339.298.327
Hàng hóa	1.024.612.142	607.566.357
Cộng	<u>38.090.192.813</u>	<u>36.211.688.879</u>

9. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng giảm giá nguyên liệu, vật liệu quá hạn sử dụng.

Tình hình biến động dự phòng giảm giá hàng tồn kho như sau:

Số đầu năm	1.863.662.248
Hoàn nhập dự phòng	(254.368.246)
Số cuối năm	<u>1.609.294.002</u>

10. Tài sản ngắn hạn khác

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tạm ứng	1.517.774.365	1.823.208.609
Các khoản cầm cố, ký quỹ, ký cược ngắn hạn	255.072.802	299.812.200
Cộng	<u>1.772.847.167</u>	<u>2.123.020.809</u>

11. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

	<u>Nhà cửa, vật kiến trúc</u>	<u>Máy móc và thiết bị</u>	<u>Phương tiện vận tải, truyền dẫn</u>	<u>Thiết bị, dụng cụ quản lý</u>	<u>Cộng</u>
Nguyên giá					
Số đầu năm	24.483.854.123	11.330.711.153	3.576.229.608	1.318.998.125	40.709.793.009
Mua sắm mới	133.209.000	475.333.327	-	13.800.000	622.342.327
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	552.801.852	-	-	-	552.801.852
Số cuối năm	<u>25.169.864.975</u>	<u>11.806.044.480</u>	<u>3.576.229.608</u>	<u>1.332.798.125</u>	<u>41.884.937.188</u>
<i>Trong đó:</i>					
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	31.013.000	7.975.735.321	2.268.527.290	923.362.763	11.198.638.374
Giá trị hao mòn					
Số đầu năm	6.560.490.245	10.051.954.862	2.936.574.496	1.023.169.267	20.572.188.870
Khấu hao trong năm	1.447.996.896	630.691.940	145.580.544	81.826.063	2.306.095.443
Số cuối năm	<u>8.008.487.141</u>	<u>10.682.646.802</u>	<u>3.082.155.040</u>	<u>1.104.995.330</u>	<u>22.878.284.313</u>
Giá trị còn lại					
Số đầu năm	17.923.363.878	1.278.756.291	639.655.112	295.828.858	20.137.604.139
Số cuối năm	<u>17.161.377.834</u>	<u>1.123.397.678</u>	<u>494.074.568</u>	<u>227.802.795</u>	<u>19.006.652.875</u>
<i>Trong đó:</i>					
Tạm thời chưa sử dụng	-	-	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-	-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN MỸ PHẨM SÀI GÒN

Địa chỉ: Số 930 Nguyễn Thị Định, phường Thạnh Mỹ Lợi, quận 2, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**12. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình**

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy tính	Cộng
Nguyên giá			
Số đầu năm	29.540.501.854	-	29.540.501.854
Mua sắm mới	-	10.725.000	10.725.000
Số cuối năm	29.540.501.854	10.725.000	29.551.226.854
<i>Trong đó:</i>			
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	-	-	-
Giá trị hao mòn			
Số đầu năm	297.127.023	-	297.127.023
Khấu hao trong năm	296.330.436	3.344.359	299.674.795
Số cuối năm	593.457.459	3.344.359	596.801.818
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	29.243.374.831	-	29.243.374.831
Số cuối năm	28.947.044.395	7.380.641	28.954.425.036

Quyền sử dụng đất tại Khu Công nghiệp Cát Lái II, phường Thạnh Mỹ Lợi, quận 2, TP. Hồ Chí Minh có nguyên giá 6.610.490.295 VND đã được cầm cố để đảm bảo cho khoản vay tại Ngân hàng đầu tư và phát triển Việt Nam - Chi nhánh Đông Sài Gòn.

Quyền sử dụng tại 208 Cô Bắc, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh có nguyên giá 8.297.766.500 VND bao gồm giá trị nhà và giá trị quyền sử dụng đất. Công ty chưa xác định được phần giá trị nhà để tách ra ghi nhận ở tài sản cố định hữu hình.

13. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong năm	Kết chuyển vào TSCĐ trong năm	Kết chuyển giảm khác	Số cuối năm
Mua đất 208 Cô Bắc	500.076.987	-	-	(14.127.273)	485.949.714
Chi phí Ban Quản lý dự án	1.513.110.145	-	-	(1.513.110.145)	-
Chi phí dự án ERP	213.956.301	-	-	(213.956.301)	-
Chi phí dự án CGMP	254.770.946	324.580.808	(552.801.852)	-	26.549.902
Mua căn hộ chung cư	977.762.720	413.374.280	(1.391.137.000)	-	-
Chi phí khác	52.473.649	-	-	(52.473.649)	-
Cộng	3.512.150.748	737.955.088	(1.943.938.852)	(1.793.667.368)	512.499.616

14. Bất động sản đầu tư

Căn hộ chung cư tại quận 2. Công ty đang thông báo cho thuê căn hộ này. Đến thời điểm cuối năm Công ty chưa có điều kiện để xác định giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư.

	Nguyên giá	Hao mòn lũy kế	Giá trị còn lại
Số đầu năm	-	-	-
Phát sinh trong năm	1.391.137.000	9.274.247	-
Số cuối năm	1.391.137.000	9.274.247	1.381.862.753

CÔNG TY CỔ PHẦN MỸ PHẨM SÀI GÒN

Địa chỉ: Số 930 Nguyễn Thị Định, phường Thạnh Mỹ Lợi, quận 2, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**15. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh**

Khoản đầu tư vào Công ty TNHH địa ốc sông Sài Gòn Thanh Đa.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4102056760 ngày 12 tháng 12 năm 2007 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp, Công ty đầu tư vào Công ty TNHH địa ốc sông Sài Gòn Thanh Đa 30.000.000.000 VND, tương đương 30% vốn điều lệ.

16. Chi phí trả trước dài hạn

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong năm	Kết chuyển vào chi phí SXKD trong năm	Số cuối năm
Công cụ, dụng cụ	1.065.660.549	407.122.188	(569.698.622)	903.084.115
Chi phí quảng cáo	103.294.880	1.594.023.504	(1.641.671.384)	55.647.000
Chi phí sửa chữa	-	231.599.062	(17.875.080)	213.723.982
Chi phí Ban Quản lý dự án	-	813.110.145	-	813.110.145
Cộng	1.168.955.429	3.045.854.899	(2.229.245.086)	1.985.565.242

17. Tài sản dài hạn khác

Ký quỹ, ký cược dài hạn.

18. Vay và nợ ngắn hạn

Khoản vay ngắn hạn Ngân hàng đầu tư và phát triển Việt Nam - Chi nhánh Đồng Sài Gòn với lãi suất vay bằng lãi suất xác định trong từng Hợp đồng tín dụng ngắn hạn cụ thể theo chế độ lãi suất của Ngân hàng theo từng thời kỳ, để bổ sung vốn lưu động. Khoản vay này được đảm bảo bằng quyền sử dụng đất tại Khu công nghiệp Cát Lái, quận 2, TP. Hồ Chí Minh (xem thuyết minh số V.12).

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay như sau:

Số đầu năm	424.100.822
Số tiền vay đã trả trong năm	(424.100.822)
Số cuối năm	-

19. Phải trả cho người bán

	Số cuối năm	Số đầu năm
Các nhà cung cấp trong nước	8.118.094.130	11.262.748.650
Các nhà cung cấp nước ngoài	3.770.587.183	6.593.812.121
Cộng	11.888.681.313	17.856.560.771

20. Người mua trả tiền trước

	Số cuối năm	Số đầu năm
Các khách hàng trong nước	119.573.004	9.059.067
Các khách hàng nước ngoài	370.268.998	91.695.820
Cộng	489.842.002	100.754.887

CÔNG TY CỔ PHẦN MỸ PHẨM SÀI GÒN

Địa chỉ: Số 930 Nguyễn Thị Định, phường Thạnh Mỹ Lợi, quận 2, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

21. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	Số cuối năm
Thuế giá trị gia tăng hàng bán nội địa	-	510.458.871	(510.458.871)	-
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	16.455.633	2.902.320.950	(2.786.214.009)	132.562.574
Thuế xuất, nhập khẩu (*)	(1.632.759)	1.737.819.268	(1.703.579.560)	32.606.949
Thuế thu nhập doanh nghiệp	4.023.743.820	399.045.581	(992.804.971)	3.429.984.430
Thuế thu nhập cá nhân	562.582.456	935.797.350	(1.362.186.413)	136.193.393
Các loại thuế khác	144.892.991	820.482.915	(820.482.915)	144.892.991
Cộng	4.746.042.141	7.305.924.935	(8.175.726.739)	3.876.240.337

(*) Thuế nhập khẩu nộp thừa đầu năm được trình bày ở chi tiêu Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước.

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng cho hàng xuất khẩu là 0%, hàng tiêu thụ trong nước là 10%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 25%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm được dự tính như sau:

	Năm nay	Năm trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	11.002.618.290	7.803.828.658
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:		
- Các khoản điều chỉnh tăng	3.062.140.167	1.744.372.702
- Các khoản điều chỉnh giảm	(3.851.062.974)	(1.607.100.250)
Thu nhập tính thuế	10.213.695.483	7.941.101.110
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	25%	25%
Thuế thu nhập doanh nghiệp dự tính phải nộp	2.553.423.871	1.985.275.278
Điều chỉnh thuế thu nhập doanh nghiệp của các năm trước (**)	(2.154.378.290)	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp còn phải nộp	399.045.581	1.985.275.278

(**) Điều chỉnh thuế thu nhập doanh nghiệp do xác định không phải nộp thuế lũy tiến cho hoạt động chuyển nhượng bất động sản của các năm trước theo Quyết định điều chỉnh số 2706/CT-KTTI ngày 20 tháng 6 năm 2011 của Cục thuế TP. Hồ Chí Minh.

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo qui định.

22. Phải trả người lao động

Tiền lương tháng 12 và tháng 13 phải trả nhân viên.

CÔNG TY CỔ PHẦN MỸ PHẨM SÀI GÒN

Địa chỉ: Số 930 Nguyễn Thị Định, phường Thạnh Mỹ Lợi, quận 2, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**23. Chi phí phải trả**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chi phí sử dụng nhãn hiệu	21.746.499	280.957.667
Chi phí chương trình khuyến mãi	551.160.516	1.067.124.773
Chi phí khác	91.560.163	160.843.314
Cộng	<u>664.467.178</u>	<u>1.508.925.754</u>

24. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Bảo hiểm y tế, Bảo hiểm xã hội, Kinh phí công đoàn	669.330.717	875.513.536
Nhận ký quỹ mua hàng	466.300.000	516.300.000
Cổ tức phải trả	333.505.079	258.545.879
Phải trả nhà nước tiền bán cổ phần trả chậm	475.450.000	475.450.000
Tiền mượn các cá nhân	14.556.496.434	16.345.230.179
Các khoản khác	679.082.795	460.861.564
Cộng	<u>17.180.165.025</u>	<u>18.931.901.158</u>

25. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Số đầu năm	1.906.306.761
Tăng do trích lập từ lợi nhuận	290.927.670
Chi quỹ trong năm	(901.217.091)
Số cuối năm	<u>1.296.017.340</u>

26. Phải trả dài hạn khác

Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn.

27. Dự phòng trợ cấp mất việc làm

Số đầu năm	82.842.680
Trích lập trong năm	815.216.814
Số đã chi trong năm	(798.788.954)
Số cuối năm	<u>99.270.540</u>

28. Vốn chủ sở hữu*Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu*

Thông tin về biến động của vốn chủ sở hữu được trình bày ở Phụ lục đính kèm trang 38.

Cổ tức

Cổ tức đã chi trả trong năm như sau:

Cổ tức năm trước	14.305.100
Tạm ứng cổ tức năm nay	2.329.647.400
Cộng	<u>2.343.952.500</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN MỸ PHẨM SÀI GÒN

Địa chỉ: Số 930 Nguyễn Thị Định, phường Thạnh Mỹ Lợi, quận 2, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**Cổ phiếu**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	8.063.039	8.063.039
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	8.063.039	8.063.039
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	8.063.039	8.063.039
- <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	-	-
- <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	8.063.039	8.063.039
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	8.063.039	8.063.039
- <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tổng doanh thu	153.588.469.971	153.523.413.636
- <i>Doanh thu bán hàng hóa, vật tư</i>	974.270.785	1.512.396.242
- <i>Doanh thu bán thành phẩm</i>	150.295.274.637	150.072.304.394
- <i>Doanh thu cung cấp dịch vụ</i>	2.318.924.549	1.938.713.000
Các khoản giảm trừ doanh thu:	(15.003.531.353)	(10.140.240.162)
- <i>Chiết khấu thương mại</i>	(9.174.034.316)	(7.953.759.209)
- <i>Hàng bán bị trả lại</i>	(5.829.497.037)	(2.186.480.953)
Doanh thu thuần	<u>138.584.938.618</u>	<u>143.383.173.474</u>
Trong đó:		
- <i>Doanh thu thuần bán hàng hóa, vật tư</i>	611.332.706	1.512.396.242
- <i>Doanh thu thuần bán thành phẩm</i>	135.654.681.363	139.932.064.232
- <i>Doanh thu thuần cung cấp dịch vụ</i>	2.318.924.549	1.938.713.000

2. Giá vốn hàng bán

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Giá vốn của hàng hóa, vật tư đã cung cấp	538.552.573	857.585.974
Giá vốn của thành phẩm đã cung cấp ^(*)	80.177.769.417	83.238.933.630
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(254.368.246)	804.951.910
Cộng	<u>80.461.953.744</u>	<u>84.901.471.514</u>

^(*) Giá vốn của thành phẩm đã cung cấp trong năm như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp	73.197.683.179	79.100.596.726
Chi nhân công trực tiếp	4.530.674.428	4.419.425.233
Chi phí sản xuất chung	7.185.754.220	7.269.451.066

CÔNG TY CỔ PHẦN MỸ PHẨM SÀI GÒN

Địa chỉ: Số 930 Nguyễn Thị Định, phường Thạnh Mỹ Lợi, quận 2, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tổng chi phí sản xuất	84.914.111.827	90.789.473.025
Chênh lệch chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	(51.256.523)	(206.122.506)
Tổng giá thành sản xuất	84.862.855.304	90.583.350.519
Chênh lệch tồn kho thành phẩm	(856.270.980)	(715.651.103)
Thành phẩm xuất khuyến mãi	(3.828.814.907)	(6.628.765.786)
Giá vốn của thành phẩm đã cung cấp	80.177.769.417	83.238.933.630
3. Doanh thu hoạt động tài chính	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi không kỳ hạn	38.397.673	44.995.666
Lãi tiền gửi có kỳ hạn	1.235.302.153	1.648.665.908
Cổ tức, lợi nhuận được chia	202.582.741	109.512.632
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	-	355.297.440
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	495.140.209	422.526.850
Lãi thanh lý các khoản đầu tư ngắn hạn	69.805.174	69.631.460
Cộng	2.041.227.950	2.650.629.956
4. Chi phí tài chính	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	474.332	153.276.638
Chiết khấu thanh toán	1.289.082	135.299.715
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	1.507.540.818	973.392.715
Lỗ thanh lý các khoản đầu tư ngắn hạn	573.951.994	118.641.565
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư ngắn hạn	769.640.641	546.572.228
Cộng	2.852.896.867	1.927.182.861
5. Chi phí bán hàng	Năm nay	Năm trước
Chi phí nhân viên	13.513.646.578	11.684.105.161
Chi phí vật liệu, bao bì	22.234.038	80.230.547
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	175.933.606	429.412.563
Chi phí khấu hao tài sản cố định	393.597.910	328.345.916
Chi phí dịch vụ mua ngoài	6.309.815.738	8.108.857.735
Chi phí khác	10.703.802.813	17.421.310.949
Cộng	31.119.030.683	38.052.262.871
6. Chi phí quản lý doanh nghiệp	Năm nay	Năm trước
Chi phí nhân viên	6.711.566.583	6.546.183.467
Chi phí đồ dùng văn phòng	23.983.445	176.902.352
Chi phí khấu hao tài sản cố định	623.281.442	629.200.338
Thuế, phí và lệ phí	133.758.500	9.120.000
Chi phí dự phòng nợ phải thu khó đòi	(94.969.058)	(245.132.043)
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.875.990.958	4.509.066.793
Chi phí khác	2.911.873.364	1.570.569.232
Cộng	14.185.485.234	13.195.910.139

CÔNG TY CỔ PHẦN MỸ PHẨM SÀI GÒN

Địa chỉ: Số 930 Nguyễn Thị Định, phường Thạnh Mỹ Lợi, quận 2, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**7. Thu nhập khác**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Thu tiền thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	1.200.000	17.272.727
Thu nhập khác	53.306.581	350.963.859
Cộng	<u>54.506.581</u>	<u>368.236.586</u>

8. Chi phí khác

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Nộp phạt thuế, vi phạm hành chính	1.058.683.581	519.618.599
Chi phí khác	4.750	1.765.374
Cộng	<u>1.058.688.331</u>	<u>521.383.973</u>

9. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	10.603.572.709	5.818.553.380
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	-	-
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	10.603.572.709	5.818.553.380
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm (*)	8.063.039	8.063.039
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	<u>1.315</u>	<u>722</u>

(*) Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm được tính như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành đầu năm	8.063.039	7.932.988
Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông phát hành từ thặng dư vốn cổ phần và lợi nhuận chưa phân phối	-	130.051
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	<u>8.063.039</u>	<u>8.063.039</u>

10. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	74.082.856.864	80.722.530.130
Chi phí nhân công	28.524.500.431	26.507.044.412
Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.615.044.485	2.534.883.927
Chi phí dịch vụ mua ngoài	11.032.052.228	13.487.837.777
Chi phí khác	13.964.173.736	18.785.349.789
Cộng	<u>130.218.627.744</u>	<u>142.037.646.035</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN MỸ PHẨM SÀI GÒN

Địa chỉ: Số 930 Nguyễn Thị Định, phường Thạnh Mỹ Lợi, quận 2, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Áp dụng quy định kế toán mới

Ngày 06 tháng 11 năm 2009 Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 210/2009/TT-BTC hướng dẫn áp dụng chuẩn mực kế toán quốc tế về trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính và được áp dụng để trình bày và thuyết minh các công cụ tài chính trên Báo cáo tài chính từ năm 2011 trở đi.

Theo yêu cầu của Thông tư này Công ty cũng đã bổ sung thêm các thuyết minh từ VII.5 đến VII.9 dưới đây.

Ngoài ra, Thông tư này cũng yêu cầu Công ty phải xem xét các điều khoản trong công cụ tài chính phức hợp để xác định liệu công cụ đó có bao gồm các thành phần nợ phải trả và thành phần vốn chủ sở hữu hay không. Phần được phân loại là nợ phải trả được trình bày riêng biệt với phần được phân loại là tài sản tài chính hoặc vốn chủ sở hữu trên Bảng cân đối kế toán. Yêu cầu của Thông tư này không ảnh hưởng đến tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty do Công ty chưa phát hành các công cụ tài chính phức hợp.

2. Giao dịch với các bên liên quan

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan

Các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và các thành viên mật thiết trong gia đình các cá nhân này.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt trong năm như sau:

	Năm nay	Năm trước
Tiền lương	2.629.020.000	2.043.000.000
Tiền thưởng và phụ cấp khác	568.113.240	955.821.038
Cộng	3.197.133.240	2.998.821.038

3. Thông tin về bộ phận

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý. Báo cáo bộ phận chính yếu là theo khu vực địa lý dựa trên cơ cấu tổ chức và quản lý nội bộ và hệ thống Báo cáo tài chính nội bộ của Công ty.

Khu vực địa lý

Hoạt động của Công ty được phân bố chủ yếu ở trong nước và xuất khẩu.

Thông tin về kết quả kinh doanh của bộ phận theo khu vực địa lý dựa trên vị trí của khách hàng của Công ty như sau:

Năm nay	Khu vực trong nước	Khu vực xuất khẩu	Các khoản loại trừ	Cộng
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	86.099.389.747	52.485.548.871	-	138.584.938.618
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận	-	-	-	-
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	86.099.389.747	52.485.548.871	-	138.584.938.618
Chi phí bộ phận	71.647.250.409	39.933.734.018	-	111.580.984.427
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	14.452.139.338	12.551.814.853	-	27.003.954.191
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận				14.185.485.234

2043
CÔNG
NHẬN
M T O
T U V
P H C

CÔNG TY CỔ PHẦN MỸ PHẨM SÀI GÒN

Địa chỉ: Số 930 Nguyễn Thị Định, phường Thạnh Mỹ Lợi, quận 2, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

5. Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính

	Giá trị sổ sách		Giá trị hợp lý	
	Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	23.309.581.195	12.257.325.114	23.309.581.195	12.257.325.114
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	1.969.182.376	3.233.092.501	1.969.182.376	3.233.092.501
Phải thu khách hàng	23.663.635.654	31.260.890.141	23.663.635.654	31.260.890.141
Các khoản phải thu khác	2.454.626.756	3.208.650.684	2.454.626.756	3.208.650.684
Cộng	51.397.025.981	49.959.958.440	51.397.025.981	49.959.958.440
Nợ phải trả tài chính				
Phải trả cho người bán	11.888.681.313	17.856.560.771	11.888.681.313	17.856.560.771
Vay và nợ	-	424.100.822	-	424.100.822
Phải trả người lao động	4.598.199.032	4.181.136.831	4.598.199.032	4.181.136.831
Chi phí phải trả	664.467.178	1.508.925.754	664.467.178	1.508.925.754
Các khoản phải trả khác	17.718.838.065	19.454.146.338	17.718.838.065	19.454.146.338
Cộng	34.870.185.588	43.424.870.516	34.870.185.588	43.424.870.516

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên có đầy đủ hiểu biết và mong muốn giao dịch.

Công ty sử dụng phương pháp và giả định sau để ước tính giá trị hợp lý:

- Giá trị hợp lý của tiền mặt, tiền gửi ngân hàng ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng, phải trả cho người bán và nợ phải trả ngắn hạn khác tương đương giá trị sổ sách của các khoản mục này do những công cụ này có kỳ hạn ngắn.
- Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính sẵn sàng để bán được niêm yết trên thị trường chứng khoán là giá công bố giao dịch tại ngày kết thúc năm tài chính. Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính sẵn sàng để bán chưa niêm yết được ước tính bằng các phương pháp định giá phù hợp.

6. Tài sản đảm bảo

Tài sản thế chấp cho đơn vị khác

Công ty đã thế chấp tài sản cố định vô hình để đảm bảo cho các khoản vay của ngân hàng (xem thuyết minh số V.18). Quyền sử dụng đất tại Khu công nghiệp Cát Lái, quận 2, TP. Hồ Chí Minh được thế chấp có giá trị sổ sách vào ngày 01 tháng 01 năm 2011 và vào ngày 31 tháng 12 năm 2011 số tiền là 6.610.490.295 VND.

Tài sản nhận thế chấp của đơn vị khác

Công ty không nắm giữ tài sản đảm bảo nào của đơn vị khác vào ngày 01 tháng 01 năm 2011 và vào ngày 31 tháng 12 năm 2011.

CÔNG TY CỔ PHẦN MỸ PHẨM SÀI GÒN

Địa chỉ: Số 930 Nguyễn Thị Định, phường Thạnh Mỹ Lợi, quận 2, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

7. **Rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty.

Công ty có các rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (tiền gửi ngân hàng).

Phải thu khách hàng

Công ty giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chỉ giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt, khách hàng phải thanh toán trước theo hợp đồng cho các đại lý. Trên cơ sở này rủi ro tín dụng đối với phải thu khách hàng là thấp.

Tiền gửi ngân hàng

Phần lớn tiền gửi ngân hàng của Công ty được gửi tại các ngân hàng lớn, có uy tín ở Việt Nam. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

8. **Rủi ro thanh khoản**

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm cao nhất trong quản lý rủi ro thanh khoản. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty quản lý rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền và các khoản tương đương tiền phù hợp và các khoản vay ở mức mà Tổng Giám đốc cho là đủ để đáp ứng nhu cầu hoạt động của Công ty nhằm giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng chưa được chiết khấu như sau:

	Từ 01 năm trở xuống	Trên 01 năm đến 05 năm	Cộng
Số cuối năm			
Phải trả cho người bán	11.888.681.313	-	11.888.681.313
Vay và nợ	-	-	-
Phải trả người lao động	4.598.199.032	-	4.598.199.032
Chi phí phải trả	664.467.178	-	664.467.178
Các khoản phải trả khác	17.180.165.025	538.673.040	17.718.838.065
Cộng	34.331.512.548	538.673.040	34.870.185.588
Số đầu năm			
Phải trả cho người bán	17.856.560.771	-	17.856.560.771
Vay và nợ	424.100.822	-	424.100.822
Phải trả người lao động	4.181.136.831	-	4.181.136.831
Chi phí phải trả	1.508.925.754	-	1.508.925.754
Các khoản phải trả khác	18.931.901.158	522.245.180	19.454.146.338
Cộng	42.902.625.336	522.245.180	43.424.870.516

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.



CÔNG TY CỔ PHẦN MỸ PHẨM SÀI GÒN

Địa chỉ: Số 930 Nguyễn Thị Định, phường Thạnh Mỹ Lợi, quận 2, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

9. **Rủi ro thị trường**

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường bao gồm 3 loại: rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá khác.

Các phân tích về độ nhạy trình bày dưới đây được lập trên cơ sở giá trị các khoản nợ thuần, tỷ lệ giữa các khoản nợ có lãi suất cố định và các khoản nợ có lãi suất thả nổi là không thay đổi.

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.

Công ty không thực hiện phân tích độ nhạy đối với ngoại tệ vì rủi ro do thay đổi tỷ giá tại ngày lập báo cáo là không đáng kể.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Rủi ro lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến tiền, các khoản tiền gửi ngắn hạn và các khoản vay.

Công ty không thực hiện phân tích độ nhạy đối với lãi suất vì rủi ro do thay đổi lãi suất tại ngày lập báo cáo là không đáng kể.

Rủi ro về giá khác

Rủi ro về giá khác là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường ngoài thay đổi của lãi suất và tỷ giá hối đoái.

Các cổ phiếu do Công ty nắm giữ có thể bị ảnh hưởng bởi các rủi ro về giá trị tương lai của cổ phiếu đầu tư. Công ty quản lý rủi ro về giá cổ phiếu bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư và đa dạng hóa danh mục đầu tư.

Công ty không thực hiện phân tích độ nhạy đối với rủi ro về giá khác vì rủi ro này tại ngày lập báo cáo là không đáng kể.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 3 năm 2012



Trần Ngọc Cẩm
Kế toán trưởng

Lý Nguyễn Lan Phương
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN MỸ PHẨM SÀI GÒN


Địa chỉ: Số 930 Nguyễn Thị Định, phường Thanh Mỹ Lợi, quận 2, TP. Hồ Chí Minh
BẢO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Phụ lục 01: Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm trước	79.329.880.000	24.544.846.942	3.836.567.766	3.265.811.733	12.286.263.885	123.263.370.326
Phát hành cổ phiếu thường	1.300.510.000	-	-	-	(1.300.510.000)	-
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	5.818.553.380	5.818.553.380
Trích lập các quỹ trong năm	-	-	910.517.711	910.517.711	(2.731.553.132)	(910.517.710)
Chia cổ tức trong năm	-	-	-	-	(4.551.811.600)	(4.551.811.600)
Số dư cuối năm trước	80.630.390.000	24.544.846.942	4.747.085.477	4.176.329.444	9.520.942.533	123.619.594.396
Số dư đầu năm nay	80.630.390.000	24.544.846.942	4.747.085.477	4.176.329.444	9.520.942.533	123.619.594.396
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	10.603.572.709	10.603.572.709
Trích lập các quỹ trong năm	-	-	290.927.669	290.927.669	(872.783.008)	(290.927.670)
Chia cổ tức trong năm	-	-	-	-	(2.418.911.700)	(2.418.911.700)
Số dư cuối năm nay	80.630.390.000	24.544.846.942	5.038.013.146	4.467.257.113	16.832.820.534	131.513.327.735

Đơn vị tính: VND



Trần Ngọc Cẩm
 Kế toán trưởng



TP. Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 3 năm 2012

Lý Nguyễn Lan Phương
 Tổng Giám đốc

